**Phần II**

**NỘI DUNG CỤ THỂ**

**CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Lĩnh vực Dân tộc**

1**. Thủ tục hành chính “Công nhận người có uy tín trong đồng bào DTTS”**

**a) Trình tự thực hiện**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này; nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã (bộ phận một cửa cấp xã)

Bước 2: Công chức phụ trách công tác Dân tộc cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách trình Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận kèm theo danh sách; chuyển hồ sơ (kèm theo kết quả giải quyết của cấp xã) về phòng Dân tộc cấp huyện.

Bước 3: Phòng Dân tộc cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách, trình lãnh đạo phê duyệt; chuyển hồ sơ (kèm theo kết quả giải quyết của cấp huyện) về Ban Dân tộc.

Bước 4: Ban Dân tộc có trách nhiệm kiểm tra, thống nhất với các cơ quan liên quan và hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành quyết định và chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.

**c. Thành phần và số lượng hồ sơ:**

**- Thành phần:**

+ Hồ sơ gửi cấp xã: gồm văn bản đề nghị, biên bản họp liên tịch.

+ Hồ sơ gửi cấp huyện: gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách, biên bản.

+ Hồ sơ gửi Ban Dân tộc: gồm văn bản đề nghị, danh sách kèm theo và bản tổng hợp hồ sơ đề nghị của các xã.

+ Hồ sơ Ban Dân tộc trình Chủ tịch UBND tỉnh gồm: Tờ trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận; dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách người có uy tín; biểu tổng hợp danh sách người có uy tín đề nghị phê duyệt; bản tổng hợp hồ sơ của các huyện đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận người có uy tín trong đồng bào DTTS.

**-Số lượng:** 01 (một) bộ.

 **d. Thời hạn giải quyết:**

15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (cấp xã 05 ngày, cấp huyện 05 ngày, cấp tỉnh 05 ngày).

**e. Đối tượng thực hiện**

Tổ chức, cá nhân

**f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

UBND xã, Ban Dân tộc, UBND tỉnh

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

Quyết định của UBND tỉnh

**h. Lệ phí:** không

**i. Tên mẫu đơn tờ khai:** có (phụ lục kèm theo)

**j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

- Yêu cầu:

+ Là công dân Việt Nam, không phân biệt thành phần dân tộc, cư trú hợp pháp tại Việt Nam;

+ Bản thân và gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương;

+ Là người tiêu biểu, có nhiều công lao, đóng góp trong các phong trào thi đua yêu nước, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ an ninh trật tự, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết các dân tộc;

+ Hiểu biết về văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc; có mối liên hệ chặt chẽ và có ảnh hưởng trong dòng họ, dân tộc và cộng đồng dân cư;

+ Có khả năng quy tụ, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong phạm vi nhất định bằng lời nói, qua việc làm, được người dân trong cộng đồng tín nhiệm, tin tưởng, nghe và làm theo.

- Điều kiện:

+ Mỗi thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số có ít nhất 1/3 số hộ gia đình hoặc số nhân khẩu là người dân tộc thiểu số được bình chọn 01 (một) người có uy tín;

+ Trường hợp thôn không đủ điều kiện quy định tại điểm a Khoản 3 Điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg hoặc có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, căn cứ tình hình thực tế và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định số lượng người có uy tín được bình chọn, nhưng tổng số người có uy tín được bình chọn không vượt quá tổng số thôn của vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

**k) Căn cứ pháp lý:**

Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 cuat Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS.

**Phụ lục I**

**Các Biểu mẫu của TTHC số 1, Phần II của Quyết định này**

*(Các biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg*

 *ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ)*

**Mẫu số 01**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN**

**Đề cử người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số**

Hôm nay, ngày….tháng…năm ...., tại thôn *(ghi rõ địa điểm tổ chức)*……......…….

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): …………..............……….……

- Đại diện chính quyền (*ghi rõ họ, tên, chức danh)*…………...............…….………

- Đại diện Mặt trận (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): …………...............…….....………

- Đại diện các tổ chức đoàn thể (*ghi rõ họ, tên, chức danh*).

- Số hộ gia đình dự họp/tổng số hộ trong thôn: …………...............…….....……….

- Chủ trì: Ông (bà):……………….Chức danh: Trưởng thôn

- Thư ký (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): ………………………………..............……

Sau khi nghe Trưởng thôn phổ biến về tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín và nội dung chính sách quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, hội nghị đã thống nhất đề cử người có uy tín của thôn năm……....như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Giới tính/Năm sinh | Dân tộc | Nơi cư trú | Trình độ văn hóa/chuyên môn | Kết quả \*  |
| Đồng ý | Không đồng ý | Lý do |
| Nam | Nữ | Số người  | Tỉ lệ % | Số người  | Tỉ lệ % |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại diện hộ dân** *(ký, ghi rõ họ tên của đại diện 03 hộ dân dự họp)* | **Thư ký***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Trưởng thôn***(ký, ghi rõ họ tên)*  |

***\* Ghi chú:***  Mỗi thôn đề cử không quá 02 người. Người được đề cử phải đạt trên 50% tổng số đại biểu dự họp đồng ý và có tỷ lệ cao nhất (bằng hình thức biểu quyết giơ tay).

**Mẫu số 02**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP LIÊN TỊCH THÔN**

**Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số**

Hôm nay, ngày….tháng…năm ...., tại thôn *(ghi rõ địa điểm tổ chức).......................*

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): …………...............……………

- Đại diện chính quyền (*ghi rõ họ, tên Trưởng thôn hoặc Phó trưởng thôn)*

- Đại diện Mặt trận (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): …………...............…………….

- Đại diện các tổ chức đoàn thể (*Mỗi đoàn thể cử 01 người đại diện tham dự*; *ghi rõ họ, tên, chức danh*).

- Đại diện hộ gia đình DTTS trong thôn (*ghi rõ họ, tên*): tối thiểu 03 hộ gia đình.

- Chủ trì: Ông (bà):……………….Chức danh: Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn

- Thư ký (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): ………………………………..............……

Sau khi xem xét danh sách đề cử của thôn; căn cứ tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất đề nghị công nhận người có uy tín của thôn năm……....như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Giới tính/Năm sinh | Dân tộc | Nơi cư trú | Trình độ văn hóa/chuyên môn | Kết quả \*  |
| Đồng ý | Không đồng ý | Lý do |
| Nam | Nữ | Số người (số phiếu)  | Tỉ lệ % | Số người (số phiếu)  | Tỉ lệ % |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thư ký***(ký, ghi rõ họ tên)* |  | **Chủ trì***(ký, ghi rõ họ tên)*  |
| **Đại diện chính quyền** *(ký, ghi rõ họ tên)* | **Đại diện Mặt trận***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Đại diện Chi ủy***(ký, ghi rõ họ tên)* |
| **Đại diện các Đoàn thể***(ký, ghi rõ họ tên)* |  | **Đại diện hộ dân** *(ký, ghi rõ họ tên)* |

***\* Ghi chú:***

- Bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay do Hội nghị quyết định. Người được bình chọn, đề nghị là người có uy tín phải đạt trên 50% tổng số đại biểu dự họp đồng ý và có tỷ lệ bình chọn cao nhất.

- Đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn tham dự với vai trò giám sát, không tham gia bỏ phiếu hoặc biểu quyết bình chọn người có uy tín; trường hợp bình chọn bằng bỏ phiếu kín, tổ kiểm phiểu phải có sự tham gia của đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn.

- Trường hợp có nhiều hơn số lượng người được bình chọn/thôn mà có kết quả bình chọn bằng nhau thì đưa cả vào danh sách bình chọn gửi UBND xã/phường/thị trấn xem xét, quyết định.

**Mẫu số 03**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

**Kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín năm .....**

 Hôm nay, ngày….tháng…năm ....,tại UBND xã *(ghi rõ địa điểm tổ chức)............*

 Chúng tôi gồm:

- Đại diện Đảng ủy xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): .........................

- Đại diện UBND xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): ............................

- Đại diện Công an xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): ..........................

- Đại diện Ủy ban MTTQ xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):…...…….

- Đại diện các tổ chức đoàn thể của xã/phường/thị trấn (*Mỗi đoàn thể cử 01 người tham gia; ghi rõ họ, tên, chức danh*).

- Chủ trì: Ông (bà).................Chủ tịch (hoặc Phó CT) UBND xã/phường/thị trấn.

- Thư ký: Ông (bà) *(ghi rõ họ, tên, chức danh)*..........................................................

Căn cứ đề nghị của các thôn và kết quả kiểm tra; căn cứ tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Giới tính/Năm sinh | Dân tộc | Nơi cư trú | Trình độ văn hóa/Chuyên môn | Kết quả  |
| Đủ điều kiện | Khôngđủ điều kiện | Lý do\* |
| Nam | Nữ | Số phiếu  | Tỉ lệ % | Số phiếu  | Tỉ lệ % |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký***(ký, ghi rõ họ tên)* |  **Chủ trì** *(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*  |
| **Đại diện chính quyền** *(ký, ghi rõ họ tên)* | **Đại diện UBMTTQ xã***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Đại diện Đảng ủy xã***(ký, ghi rõ họ tên)* |
| **Đại diện Công an xã***(ký, ghi rõ họ tên)* |  | **Đại diện các Đoàn thể***(ký, ghi rõ họ tên)* |

***\* Ghi chú:***

 - Nêu rõ lý do các trường hợp đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện trong danh sách bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín của các thôn gửi UBND xã/phường/thị trấn.

 - Trường hợp thôn gửi danh sách đề nghị công nhận người có uy tín vượt quá số lượng được bình chọn (do có kết quả bình chọn ở cuộc họp liên tịch thôn cao bằng nhau) thì các thành viên tham gia dự họp của UBND xem xét, quyết định chọn đủ số lượng người có uy tín được bình chọn của thôn đó.

**Mẫu số 04**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP DANH SÁCH**

**Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số**

**Năm .....**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ, tên NCUT | Năm sinh/Giới tính | Dân tộc | Nơi cư trú | Trình độ văn hóaCchuyên môn | Thành phần người có uy tín | Đảng viên | Ghi chú |
| Nam | Nữ | Già làng | Trưởng dòng họ/Tộc trưởng | Trưởng thôn và tương đương | CB hưu | Chức sức tôn giáo | Thầy mo, thầy cúng... | Nhân sĩ, trí thức | Doanh nhân, người sản xuất giỏi | Thành phần khác |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| NGƯỜI LẬP BIỂU*(ký, ghi rõ họ tên)* |  TM.UBND..... *(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*  |

***Ghi chú***:

 - Cột (2): Ghi NCUT (người có uy tín) theo từng xã trong huyện;

 - Cột (6): Ghi cụ thể thôn bản, buôn làng, tổ dân phố và tương đương;

 - Các cột từ cột (8) đến cột (16): Ghi cụ thể, đúng thành phần của NCUT;

 - Cột (17): Nếu NCUT là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam thì đánh dấu (x) vào cột này. Nếu không phải thì ghi số 0 vào cột này.

***\* Ghi chú:***

 ***-*** Thực hiện bỏ phiếu kín, người được đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín phải có trên 50% tổng số đại biểu dự họp bỏ phiếu tán thành.

 ***-*** Nêu rõ lý do các trường hợp đề nghị đưa ra hoặc không đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín.

**2. Thủ tục “đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS”**

**a) Trình tự thủ tục**

bước 1: Tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này; nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã (bộ phận một cửa cấp xã)

bước 2: Công chức phụ trách công tác Dân tộc cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách trình Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận kèm theo danh sách; chuyển hồ sơ (kèm theo kết quả giải quyết của cấp xã) về phòng Dân tộc cấp huyện.

Bước 3: Phòng Dân tộc cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách, trình lãnh đạo phê duyệt; chuyển hồ sơ (kèm theo kết quả giải quyết của cấp huyện) về Ban Dân tộc.

Bước 4: Ban Dân tộc có trách nhiệm kiểm tra, thống nhất với các cơ quan liên quan và hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành quyết định và chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.

**c. Thành phần và số lượng hồ sơ:**

**- Thành phần:**

+ Hồ sơ gửi cấp xã: gồm văn bản đề nghị, biên bản họp liên tịch.

+ Hồ sơ gửi cấp huyện: gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách, biên bản.

+ Hồ sơ gửi Ban Dân tộc: gồm văn bản đề nghị, danh sách kèm theo và bản tổng hợp hồ sơ đề nghị của các xã.

+ Hồ sơ Ban Dân tộc trình Chủ tịch UBND tỉnh gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị đưa ra khỏi danh sách ngươi có uy tín; dự thảo quyết định của Chỉ tịch UBND tỉnh; bảng tổng hợp hồ sơ đề nghị của các huyện và các giấy tờ liên quan khác

- **Số lượng**: 01 (một) bộ

**d. Thời gian giải quyết**

15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (cấp xã 05 ngày, cấp huyện 05 ngày, cấp tỉnh 05 ngày).

**e. Đối tượng thực hiện**

Tổ chức, cá nhân

**f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

UBND xã, Ban Dân tộc, UBND tỉnh

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

Quyết định của UBND tỉnh

**h. Yêu cầu, điều kiện**

- Người có uy tín chết;

- Người có uy tín đã chuyển nơi khác sinh sống hoặc do sức khỏe yếu, tự nguyện xin rút khỏi danh sách người có uy tín (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này);

- Người có uy tín vi phạm pháp luật;

- Người có uy tín mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Người có uy tín giảm sút uy tín, không đảm bảo đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg.

**k. Căn cứ pháp lý:**

Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 cuat Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS.

**Phụ lục II**

**Các Biểu mẫu của TTHC số 2, Phần II của Quyết định này**

*(Các biểu mâu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg*

 *ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ)*

**Mẫu số 05**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Rút khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số**

Kính gửi:

 - Ban công tác Mặt trận thôn...................................................

 - UBND xã/phường/thị trấn....................................................

Họ và tên người có uy tín:.........................................................................................

Ngày tháng năm sinh:...............................................................................................

Dân tộc:....................................................................................................................

Hộ khẩu thường trú tại: ...........................................................................................

Hiện đang là người có uy tín của thôn.......................................................................

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, cho phép tôi được rút khỏi danh sách người có uy tín của thôn.............................................................................................

Lý do\*: .....................................................................................................................

..................................................................................................................................

..................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *............, ngày .......tháng..... năm....* **Người làm đơn** *(ký, ghi rõ họ tên)*  |
|  |  |  |
|  |  |  |

***\**** Ghi cụ thể lý do tự xin rút khỏi danh sách người có uy tín (ví dụ: do sức khỏe yếu; gia đình chuyển đi nơi khác sinh sống...);

**Mẫu số 06**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP LIÊN TỊCH THÔN**

**Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số**

**Năm .....**

Hôm nay, ngày….tháng…năm ...., tại thôn *(ghi rõ địa điểm tổ chức).......................*

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): …………...............……………

- Đại diện chính quyền (*ghi rõ họ, tên Trưởng thôn hoặc Phó trưởng thôn)*

- Đại diện Mặt trận (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): …………...............…………….

- Đại diện các tổ chức đoàn thể (*Mỗi đoàn thể cử 01 người đại diện tham dự*; *ghi rõ họ, tên, chức danh*).

- Đại diện hộ gia đình DTTS trong thôn (*ghi rõ họ, tên*): tối thiểu 03 hộ gia đình.

- Chủ trì: Ông (bà):……………….Chức danh: Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn

- Thư ký (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): …………… …………..………..............…

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, sau khi xem xét, đánh giá các mặt và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp đối với:

1. Ông/Bà:…………………năm sinh………dân tộc……….cư trú tại....., các thành viên tham dự họp thống nhất (với ..........số phiếu/tổng số phiếu …… =....%).

2...

Các thành viên dự họp thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, đưa ra khỏi danh sách người có uy tín đối với:

1. Ông/Bà:………................................................................................................

- Lý do *(nêu cụ thể lý do đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín):........* ………………………………………………………….……………...……….....

 2....

- Lý do: ......

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thư ký***(ký, ghi rõ họ tên)* |  | **Chủ trì***(ký, ghi rõ họ tên)*  |
| **Đại diện chính quyền** *(ký, ghi rõ họ tên* | **Đại diện Mặt trận***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Đại diện Chi ủy***(ký, ghi rõ họ tên)* |
| **Đại diện các Đoàn thể***(ký, ghi rõ họ tên)* |  | **Đại diện hộ dân** *(ký, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:*** - Trường hợp người có uy tín chết: Không tổ chức họp liên tịch. Trưởng thôn làm văn bản đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín gửi UBND cấp xã;

- Trường hợp tự nguyện xin rút khỏi danh sách người có uy tín cần có đơn theo Mẫu số 05 kèm theo Quyết định này;

- Đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn không tham gia bỏ phiếu, nhưng tham gia vào tổ kiểm phiểu để giám sát kết quả bỏ phiếu đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín của thôn.

**Mẫu số 07**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

**Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số**

**Năm …......**

 Hôm nay, ngày….tháng…năm ....,tại UBND xã *(ghi rõ địa điểm tổ chức)............*

 Chúng tôi gồm:

- Đại diện Đảng ủy xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): .........................

- Đại diện UBND xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): ............................

- Đại diện Công an xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*): ..........................

- Đại diện Ủy ban MTTQ xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):…...…….

- Đại diện các tổ chức đoàn thể của xã/phường/thị trấn (*Mỗi đoàn thể cử 01 người tham gia; ghi rõ họ, tên, chức danh*).

- Chủ trì: Ông (bà).................Chủ tịch (hoặc Phó CT) UBND xã/phường/thị trấn.

- Thư ký: Ông (bà) *(ghi rõ họ, tên, chức danh)*..........................................................

Căn cứ đề nghị của các thôn và kết quả kiểm tra; căn cứ các quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất đề nghị UBND huyện/quận/thị xã xem xét đưa ra khỏi danh sách người có uy tín năm ...........đối với các trường hợp sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Giới tính/Năm sinh | Dân tộc | Nơi cư trú | Trình độ văn hóa/Chuyên môn | Kết quả\*  |
| Đồng ý | Không đồng ý | Lý do\* |
| Nam | Nữ | Số phiếu  | Tỉ lệ % | Số phiếu  | Tỉ lệ % |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký***(ký, ghi rõ họ tên)* |  **Chủ trì** *(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  |
| **Đại diện Công an xã***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Đại diện UBMTTQ xã***(ký, ghi rõ họ tên)* | **Đại diện Đảng ủy xã***(ký, ghi rõ họ tên)* |

***\* Ghi chú:***

 ***-*** Thực hiện bỏ phiếu kín, người được đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín phải có trên 50% tổng số đại biểu dự họp bỏ phiếu tán thành.

 ***-*** Nêu rõ lý do các trường hợp đề nghị đưa ra hoặc không đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín.

**3. Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Cấp xã: Căn cứ tiêu chí quy định tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg và các điều kiện cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các thôn tổ chức xác định thôn đặc biệt khó khăn; tổ chức xác định xã thuộc khu vực III, II, I; lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân huyện về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, hồ sơ gửi cấp huyện không quá 20 ngày làm việc;

- Cấp huyện: Sau khi nhận đủ hồ sơ của các xã, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổng hợp và lập báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện, hồ sơ gửi cấp tỉnh thẩm định không quá 10 ngày làm việc;

- Cấp tỉnh: Sau khi nhận đủ hồ sơ của các huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định (Cơ quan công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan thẩm định). Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh lập Báo cáo thẩm định và đề nghị Ủy ban Dân tộc tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, thời gian thẩm định và hoàn thành các thủ tục, hồ sơ gửi cấp Trung ương không quá 15 ngày làm việc;

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp trưc tiếp tại Bộ phận tiếp nhân hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ cấp xã gửi cấp huyện: 2 bộ, gồm:

+ Bảng đánh giá của các thôn về mức độ đạt hoặc không đạt tiêu chí quy định tại Điều 2 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg;

+ Danh sách thôn được xác định thuộc diện đặc biệt khó khăn và thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn;

+ Báo cáo về kết quả xác định xã thuộc khu vực III, II, I.

- Hồ sơ cấp huyện gửi cấp tỉnh: 01 bộ, gồm:

+ Báo cáo đánh giá kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực III, II, I kèm: Bảng tổng hợp danh sách các xã thuộc khu vực III, II, I; bảng tổng hợp danh sách các thôn (bao gồm cả thôn đặc biệt khó khăn và thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn);

+ Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

+ 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg.

- Hồ sơ cấp tỉnh gửi Ủy ban Dân tộc: 01 bộ, gồm:

+ Báo cáo kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, kèm danh sách tổng hợp thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, II, I gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

+ Báo cáo thẩm định và các văn bản, tài liệu chứng minh kèm theo.

**d) Thời hạn giải quyết hồ sơ:**

45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và hợp lệ (cấp xã 20 ngày, cấp huyện 10 ngày, cấp tỉnh 15 ngày)

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện TTHC**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:** có

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Việc xác định được tiến hành theo đúng quy trình, thủ tục quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định 50/2016/QĐ-TTg, đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng.

**k) Căn cứ pháp lý**

- Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**Mẫu biểu số 01 (dành cho thôn)**

**BIỂU XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

Thôn……………Xã..............................huyện………………tỉnh…………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các tiêu chí** | **Đơn vị tính** | **Kết quả xác định** | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* |
| 1 | Tổng số hộ trong thôn | Hộ |   |   |
| 2 | Số hộ là dân tộc thiểu số trong thôn | Hộ |   |   |
| 3 | Tỷ lệ hộ nghèo của thôn | % |   |   |
| 4 | Tỷ lệ hộ cận nghèo của thôn | % |   |   |
| 5 | Trục chính đường giao thông thôn hoặc liên thôn chưa được cứng hóa |   |   |   |
| 6 | Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo chưa được kiên cố | % |   |   |
| 7 | Chưa có Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa. Thể thao và Du lịch |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   | **Tự đánh giá thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn (đánh dấu X vào ô tương ứng):** | **ĐẠT** | **KHÔNG ĐẠT** |   |
|   |   |   |   |

**Chú giải:**

- Tiêu chí số 5: Ghi vào cột 4 đã cứng hóa hay chưa cứng hóa.

- Tiêu chí số 6. Ghi vào cột số 4 tỷ lệ số phòng học chưa được kiên cố.

- Tiêu chí số 7: Ghi vào cột số 4 chưa có hoặc có.

**Mẫu biểu số 02 (dành cho cấp xã)**

**BIỂU XÁC ĐỊNH XÃ THUỘC KHU VỰC I, II, III VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

Xã…………..huyện……………..tỉnh………………..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các tiêu chí** | **Đơn vị tính** | **Kết quả xác định** | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* |
| 1 | Tỷ lệ hộ nghèo của xã | % |   |   |
| 2 | Tỷ lệ hộ cận nghèo của xã | % |   |   |
| 3 | Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của xã | % |   |   |
| 4 | Tổng số thôn của xã | Thôn |   |   |
| 5 | Số thôn ĐBKK của xã | Thôn |   |   |
| 6 | Trục đường giao thông đến UBND xã hoặc đường liên xã chưa được nhựa hóa, bê tông hóa |   |   |   |
| 7 | Trường mầm non, trường tiểu học hoặc trường Trung học cơ sở chưa đạt chuẩn |   |   |   |
| 8 | Chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã |   |   |   |
| 9 | Chưa có trung tâm văn hóa, Thể thao xã |   |   |   |
| 10 | Tỷ lệ hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh | % |   |   |
| 11 | Tỷ lệ hộ chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh | % |   |   |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|   | **Tự đánh giá xã thuộc khu vực (đánh dấu X vào ô tương ứng):** | **Khu vực I** | **Khu vực II** | **Khu vực III** |
|   |  |  |  |  |

**Chú giải:**

- Tiêu chí số 6: Ghi vào cột số 4 được nhựa hóa, bê tông hóa hay chưa.

- Tiêu chí số 7: Ghi vào cột số 4 đạt chuẩn hay chưa (ghi loại trường đạt chuẩn).

- Tiêu chí số 8: Ghi vào cột số 4 đã đạt hay chưa đạt.

- Tiêu chí số 9: Ghi vào cột số 4 chưa có hay đã có.

**Mẫu biểu số 03 (dành cho cấp xã)**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

Xã………..huyện………….tỉnh…………………

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Thôn ĐBKK** | **Số hộ (hộ)** | **Tỷ lệ hộ nghèo  (%)** | **Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)** | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | **Trong đó hộ DTTS** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| 1 | Thôn ... |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Thôn ... |   |   |   |   |   |   |
| 3 | Thôn... |   |   |   |   |   |   |
| 4 | Thôn... |   |   |   |   |   |   |
| 5 | Thôn... |   |   |   |   |   |   |
| 6 | .... |   |   |   |   |   |   |
| **TỔNG TOÀN XÃ** |   |   |   |   |   |   |

**Chú giải:**

Cột 2: Ghi tên tất cả các thôn hiện nay của xã.

Cột 3: Đánh dấu X vào ô tương ứng nếu là thôn ĐBKK.

Cột 4 và 5: Được xác định vào thời điểm 31/12/2015.

Cột 6 và 7: Được xác định theo Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015.

**Mẫu biểu số 04 (dành cho cấp huyện)**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, XÃ KHU VỰC I, II, III**

Huyện………………….tỉnh…………………………..

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Khu vực** | **Thôn ĐBKK** | **Số hộ (hộ)** | **Tỷ lệ hộ nghèo (%)** | **Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)** | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | **Trong đó hộ DTTS** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| **I** | **Xã...** |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Thôn... |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Thôn... |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 | .... |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Xã...** |   |   |   |   |   |   |   |
| 4 | Thôn ... |   |   |   |   |   |   |   |
| 5 | Thôn... |   |   |   |   |   |   |   |
| 6 | .... |   |   |   |   |   |   |   |
| **TỔNG TOÀN HUYỆN** |   |   |   |   |   |   |   |

**Chú giải:**

Cột 2: Ghi tên tất cả các xã hiện nay của huyện.

Cột 3: Ghi khu vực xã theo rà soát và đề nghị của huyện.

Cột 4: Đánh dấu X vào ô tương ứng nếu là thôn ĐBKK.

Cột 5 và 6: Được xác định vào thời điểm 31/12/2015.

Cột 7 và 8: Được xác định theo Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015.

**Mẫu biểu số 5 (dành cho cấp tỉnh)**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH XÃ THUỘC BA KHU VỰC VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI TỈNH**

Huyện……………tỉnh…………………

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện, thị xã, thành phố (trực thuộc tỉnh)** | **Tên xã, phường, thị trấn** | **Khu vực** | **Số hộ (hộ)** | **Số khẩu (người)** | **Tỷ lệ hộ nghèo (%)** | **Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)** | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | **Hộ là DTTS** | **Tổng số** | **Khẩu là DTTS** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
| **I** | **Huyện...** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 |   | Xã... |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 |   | Xã... |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 |   | Xã... |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Huyện** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4 |   | Xã... |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5 |   | Xã... |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 6 |   | Xã... |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **TỔNG CỘNG** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

**Chú giải:**

Cột 2: Ghi tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

Cột 3: Ghi tên xã trực thuộc huyện, thị xã, thành phố của tỉnh.

Cột 4: Ghi khu vực xã theo rà soát và đề nghị của tỉnh bằng số La Mã: I, II, III

Cột 5, 6, 7 và 8: Được xác định vào thời điểm 31/12/ 2015.

Cột 9 và 10: Được xác định theo Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015.

**4. Thủ tục xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc nghèo và hộ nghèo ở xã, ấp đặc biệt khó khăn**

**a) Trình tự thực hiện:**

bước 1: Tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này; nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã (bộ phận một cửa cấp xã)

bước 2: Công chức phụ trách công tác Dân tộc cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách trình Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận kèm theo danh sách theo thứ tự ưu tiên; chuyển hồ sơ (kèm theo kết quả giải quyết của cấp xã) về phòng Dân tộc cấp huyện.

Bước 3: Phòng Dân tộc cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách, trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt; chuyển hồ sơ (kèm theo kết quả giải quyết của cấp huyện) về Ban Dân tộc.

Bước 4: Ban Dân tộc có trách nhiệm kiểm tra, thống nhất với các cơ quan liên quan và hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành quyết định và chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Cấp xã: biên bản họp xét và danh sách theo thứ tự ưu tiên những hộ thuộc hộ gia đình chính sách, hộ khó khăn hơn.

+ Cấp huyện: văn bản đề nghị kèm theo danh sách.

+ Cấp tỉnh: văn bản đề nghị kèm theo danh sách của từng xã chi tiết đến từng hộ, từng ấp.

- Số lượng hồ sơ:

+ Cấp xã: 02 bộ;

+ Cấp huyện: 01 bộ;

+ Cấp tỉnh: 01 bộ;

**d) Thời hạn giải quyết**:

30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và hợp lệ (cấp xã 10 ngày, cấp huyện 10 ngày, cấp tỉnh 10 ngày)

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân huyện.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg.

**h) Lệ phí**: Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) và hộ nghèo ở xã, ấp đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Quyết định số 755/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân chung do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định, có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách của Nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

- Đối với các địa phương có quy định chuẩn nghèo cao hơn chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc vận dụng chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg; kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, ấp đặc biệt khó khăn.

- Thông tư Liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, ấp đặc biệt khó khăn.